ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 22/06/2024 - TRÌNH ĐỘ HSKK SC

PHÒNG THI: 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H72405850200000037	HOANG THE TRUNG	男	2007-05-30	024207017141	LE 5.17	
2	H72405850200000038	NGOC THI HOA	女	2003-09-16	024303002565	LE 5.17	
3	H72405850200000039	NGUYEN THI NHI	女	2007-09-05	024307001438	LE 5.17	
4	H72405850200000040	NGUYEN THI NGOC BICH	女	2007-11-22	024307001497	LE 5.17	
5	H72405850200000041	CHU THI QUYNH HOA	女	2007-08-09	024307001525	LE 5.17	
6	H72405850200000042	NGUYEN THI HONG	女	2007-12-07	024307001705	LE 5.17	
7	H72405850200000043	THAN HUYNH YEN VI	女	2007-04-20	024307002123	LE 5.17	
8	H72405850200000044	DO THI LIEU	女	2007-11-19	024307002273	LE 5.17	
9	H72405850200000045	GIAP THI THU HOAI	女	2007-11-24	024307002833	LE 5.17	
10	H72405850200000046	LE NGOC ANH	女	2007-06-29	024307004009	LE 5.17	
11	H72405850200000047	NGUYEN THI PHUONG MAI	女	2007-09-23	024307004094	LE 5.17	
12	H72405850200000048	VU THI HUYEN TRANG	女	2007-01-11	024307004360	LE 5.17	
13	H72405850200000049	NGUYEN THI HAI	女	2007-08-04	024307005513	LE 5.17	
14	H72405850200000050	TRAN THI HANG	女	2007-03-29	024307006350	LE 5.17	
15	H72405850200000051	PHUNG THI HUYEN TRANG	女	2007-01-01	024307006565	LE 5.17	
16	H72405850200000052	DAO THI THU THUY	女	2007-04-11	024307006983	LE 5.17	
17	H72405850200000053	NGUYEN THI HOA	女	2007-11-10	024307007673	LE 5.17	
18	H72405850200000054	NGUYEN THI CAM LY	女	2007-03-27	024307007843	LE 5.17	
19	H72405850200000055	DO NGOC NINH	女	2007-10-23	024307009793	LE 5.17	
20	H72405850200000056	NGUYEN THI HONG PHUC	女	2007-06-26	024307010255	LE 5.17	
21	H72405850200000057	NGO THI THUY HIEN	女	2007-08-07	024307011352	LE 5.17	
22	H72405850200000058	HOANG THI CHI	女	2007-05-03	024307012953	LE 5.17	
23	H72405850200000059	CHU THI NGOC ANH	女	2007-04-05	024307013649	LE 5.17	
24	H72405850200000060	NGUYEN THI QUYNH	女	2007-10-04	024307014095	LE 5.17	
25	H72405850200000061	BUI NGOC ANH	男	2002-05-14	025202011071	LE 5.17	
26	H72405850200000062	DAO THI NHAT ANH	女	2002-01-14	025302002068	LE 5.17	
27	H72405850200000063	DANG THI THU PHUONG	女	2002-05-31	025302004786	LE 5.17	
28	H72405850200000064	NGUYEN THI PHUONG QUYNH	女	2003-09-15	025303002038	LE 5.17	
29	H72405850200000065	TRAN THUY DUONG	女	2003-11-05	025303003615	LE 5.17	
30	H72405850200000066	NGUYEN THI THAO TRANG	女	2003-03-02	025303003932	LE 5.17	
31	H72405850200000067	DO THI CHI LINH	女	2004-06-24	025304006070	LE 5.17	
32	H72405850200000068	VU THANH DUONG	女	2007-01-06	025307011944	LE 5.17	
33	H72405850200000069	TRAN BAO CHAU	女	2007-09-08	025307013853	LE 5.17	
34	H72405850200000070	NGUYEN THI KIM ANH	女	2002-10-10	026302005920	LE 5.17	
35	H72405850200000071	NGUYEN THI THUY HONG	女	2002-12-18	026302006235	LE 5.17	
36	H72405850200000072	DUONG THI NHU QUYNH	女	1994-12-10	027194012563	LE 5.17	
37	H72405850200000073	LUU THI THUY	女	1998-06-01	027198006947	LE 5.17	

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.